

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ KIỂM TOÁN CHO NIÊN ĐỘ
KẾT THÚC VÀO NGÀY 31/12/2007**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2007	4 - 7
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2007	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2007	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2007	11 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được thành lập theo:

- Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 05 năm 2004 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bến Tre về việc chuyển Công ty Dược và Vật tư Bến Tre thành Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 55-03-000017 ngày 05 tháng 07 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp và điều chỉnh lần thứ 3 vào ngày 31 tháng 01 năm 2008.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh thuốc trị bệnh cho người;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng: thuốc thành phẩm, bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học. Kinh doanh thuốc trị bệnh cho người. Kinh doanh thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Kinh doanh các loại máy móc, trang thiết bị y tế;
- Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, thùng;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, Phường Phú Khương, Thị xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
- Điện thoại: 075 82 95 28
- Fax: 075 82 74 67

2. Thành viên của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2007 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ban Giám đốc

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Đinh Văn Bích	Giám Đốc
Ông Dương Thành Đông	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Nên	Phó Giám Đốc
Ông Nguyễn Viết Sơn	Phó Giám Đốc

Hội đồng quản trị

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Đinh Văn Bích	Chủ tịch
Ông Nguyễn Viết Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Nên	Thành viên
Ông Nhan Thế Hùng	Thành viên
Ông Lê Phước Lễ	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức danh
Bà Trần Thị Thanh Phương	Trưởng ban
Ông Trần Hoàng Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chí Cường	Thành viên

3. **Đánh giá tình hình kinh doanh**

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2007 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. **Cam kết của Giám đốc**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

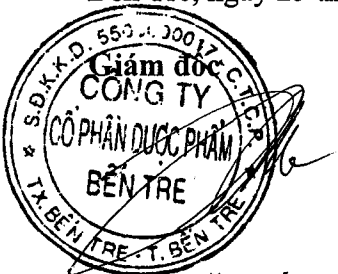
5. **Kiểm toán viên**

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007 cho Công ty.

6. **Ý kiến của Giám đốc**

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực / Chế độ kế toán Việt Nam.

Bến Tre, ngày 25 tháng 01 năm 2008



ĐÌNH VĂN BÍCH

(Handwritten mark)

Số: 08.123/HĐKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÁC THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31/12/2007, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên của CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE (dưới đây gọi tắt là Công ty). Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

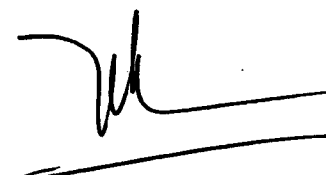
Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE vào ngày 31/12/2007 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.



LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2008
KIỂM TOÁN VIÊN



LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		153.529.144.476	120.826.735.623
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	4.297.125.437	3.726.879.740
1. Tiền	111		4.297.125.437	3.726.879.740
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	(5.2)	65.602.846.666	49.514.424.204
1. Phải thu khách hàng	131		43.399.531.950	48.607.502.980
2. Trả trước cho người bán	132		21.244.669.855	828.466.932
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		958.644.861	78.454.292
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	80.282.084.940	64.074.846.308
1. Hàng tồn kho	141		82.712.410.905	64.074.846.308
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.430.325.965)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.347.087.433	3.510.585.371
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		37.081.133	23.929.445
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	(5.4)	599.350.146	845.036.166
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	2.710.656.154	2.641.619.760

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.603.111.277	42.298.398.684
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.023.731.405	36.193.182.485
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.6)	32.905.658.179	23.905.563.374
- Nguyên giá	222		43.919.412.694	31.525.205.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.013.754.515)	(7.619.642.481)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.6)	2.483.912.711	2.511.676.234
- Nguyên giá	228		2.548.829.559	2.548.829.559
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64.916.848)	(37.153.325)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.7)	634.160.515	9.775.942.877
III. Bất động sản đầu tư	240	(5.6)	65.350.032	-
- Nguyên giá	241		125.214.090	52.826.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(59.864.058)	(52.826.363)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.8)	286.910.000	274.700.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		286.910.000	274.700.000
4. Dự phòng giảm giá CK đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.227.119.840	5.830.516.199
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.9)	5.208.044.855	5.824.541.223
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		19.074.985	5.974.976
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		195.132.255.753	163.125.134.307

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		121.553.422.514	132.351.655.708
I. Nợ ngắn hạn	310		111.722.112.157	114.358.289.146
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.10)	82.710.428.890	62.763.514.520
2. Phải trả người bán	312	(5.11)	21.328.862.221	44.881.348.252
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.11)	3.466.916.396	1.546.995.665
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.12)	474.932.335	271.760.585
5. Phải trả người lao động	315		2.860.269.472	4.216.865.049
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.13)	880.702.843	677.805.075
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.831.310.357	17.993.366.562
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.14)	3.278.519.948	10.171.866.626
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.15)	6.403.389.307	7.694.799.234
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		149.401.102	126.700.702
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.684.958.928	25.009.443.882
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.16)	67.531.058.461	24.959.443.882
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	17.549.317.646
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		26.493.488.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	2.388.974.371
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	61.707.983
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.037.570.461	4.959.443.882
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		153.900.467	50.000.000
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		103.900.467	-
2. Nguồn kinh phí	432		50.000.000	50.000.000
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		5.893.874.311	5.764.034.717
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		195.132.255.753	163.125.134.307

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		3.828,19	1.126,76
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 21 tháng 01 năm 2008

Kê toán trưởng *rl*

Giám đốc

Lê Phước Lễ



Đinh Văn Bích
ĐINH VĂN BÍCH

LÊ PHƯỚC LỄ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

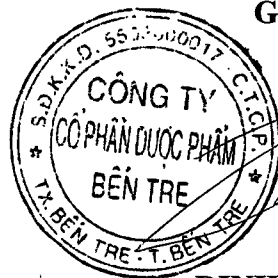
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		307.799.545.431	263.892.303.850
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		1.646.146.717	1.275.767.806
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	(6.1)	306.153.398.714	262.616.536.044
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.3)	249.668.104.274	226.510.536.125
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		56.485.294.440	36.105.999.919
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.2)	795.540.927	149.230.762
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	11.648.080.989	8.522.835.710
Trong đó, chi phí lãi vay	23		11.475.219.031	7.621.961.600
8. Chi phí bán hàng	24		34.007.168.826	2.969.311.466
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.489.076.918	21.316.317.943
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.136.508.634	3.446.765.562
11. Thu nhập khác	31		12.681.486.496	13.175.861.303
12. Chi phí khác	32		3.913.991.541	10.680.664.003
13. Lợi nhuận khác	40		8.767.494.955	2.495.197.300
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty LD, liên kết	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		10.904.003.589	5.941.962.862
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	(6.5)	(1.467.558.245)	-
16.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	(6.5)	13.100.009	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		9.449.545.353	5.941.962.862
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			181.479.781	35.857.963
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			9.268.065.572	5.906.104.899
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			44.487	29.531

Ngày 21 tháng 01 năm 2008

Kế toán trưởng *vl*

Giám đốc

Lê Phước Lễ



Đinh Văn Bích

LÊ PHƯỚC LỄ

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÈN TRE
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.904.003.589	5.941.962.862
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3.461.555.252	2.444.654.288
Các khoản dự phòng	03		2.453.026.365	32.742.100
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		10.361.523	13.313.865
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(166.054.675)	(137.807.782)
Chi phí lãi vay	06		11.475.219.031	7.621.961.600
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.138.111.085	15.916.826.933
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.635.643.334)	(204.110.926)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(20.320.030.670)	(22.760.890.956)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(41.899.260.157)	7.221.872.620
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		603.344.680	1.664.791.424
Tiền lãi vay đã trả	13		(10.192.631.408)	(7.617.085.319)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.285.664.653)	(480.660.532)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.699.767.589	484.697.534
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4.564.061.735)	(2.473.872.715)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<u>(48.456.068.603)</u>	<u>(8.248.431.937)</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.266.161.295)	(10.998.431.085)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		11.090.909	24.495.686
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(20.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.210.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		154.963.766	115.213.346
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>(3.112.316.620)</u>	<u>(10.878.722.053)</u>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		36.963.258.720	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(469.770.720)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		328.610.769.099	223.188.395.371
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(309.965.626.179)	(207.440.167.606)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.000.000.000)	(1.666.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		52.138.630.920	14.082.227.765
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		570.245.697	(5.044.926.225)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.726.879.740	8.771.805.965
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		4.297.125.437	3.726.879.740

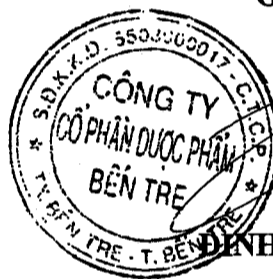
Ngày 21 tháng 01 năm 2008

Kế toán trưởng



LÊ PHƯỚC LỄ

Giám đốc



ĐINH VĂN BÍCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ trường hợp có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		36.963.258.720	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(469.770.720)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		328.610.769.099	223.188.395.371
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(309.965.626.179)	(207.440.167.606)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.000.000.000)	(1.666.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		52.138.630.920	14.082.227.765
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		570.245.697	(5.044.926.225)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.726.879.740	8.771.805.965
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		4.297.125.437	3.726.879.740

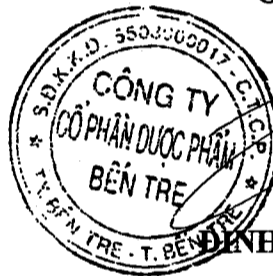
Ngày 21 tháng 01 năm 2008

Kế toán trưởng



LÊ PHƯỚC LỄ

Giám đốc



ĐINH VĂN BÍCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được thành lập theo:

- Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 05 năm 2004 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bến Tre về việc chuyển Công ty Dược và Vật tư Bến Tre thành Công ty Cổ phần Dược Phẩm Bến Tre;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 55-03-000017 ngày 05 tháng 07 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp điều chỉnh lần thứ 3 vào ngày 31 tháng 01 năm 2008.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh thuốc trị bệnh cho người;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng: thuốc thành phẩm, bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học. Kinh doanh thuốc trị bệnh cho người. Kinh doanh thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng);
- Kinh doanh các loại máy móc, trang thiết bị y tế;
- Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, thùng;
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi.

1.3. Danh sách các đơn vị đã được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất

1.3.1 Các đơn vị phụ thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa.

1.3.2 Công ty con

- Công ty Liên doanh Meyer - BPC;
- Địa chỉ: số 6A3 Quốc lộ 60, Phường Phú Khương, Thị xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 60%;
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 60%.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản, phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

4.5. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

4.6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 1% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

4.9. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ báo cáo tài chính của:

- Các đơn vị phụ thuộc Công ty: Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ và Khánh Hòa;
- Công ty con: Công ty Liên doanh Meyer – BPC .
- Theo các nguyên tắc sau:
 - + Loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con .
 - + Điều chỉnh lợi ích của cổ đông thiểu số;
 - + Điều chỉnh ảnh hưởng của các giao dịch bán hàng nội bộ;
 - + Điều chỉnh ảnh hưởng của các giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ.
 - + Điều chỉnh ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ khác: vay mượn ...

4.10. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	318.495.782	644.385.468
Tiền gửi ngân hàng	3.978.629.655	3.082.494.272
Cộng	4.297.125.437	3.726.879.740

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	43.399.531.950	48.607.502.980
Trả trước cho người bán	21.244.669.855	828.466.932
Các khoản phải thu khác (5.2.1)	958.644.861	78.454.292
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của phải thu	<u>65.602.846.666</u>	<u>49.514.424.204</u>

(5.2.1) Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2007
Chi phí cổ phần hóa doanh nghiệp	55.282.900
Thuế thu nhập không thường xuyên (10%) thu hộ nhà nước	394.649.331
Phải thu khác – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	109.087.089
Phải thu khác – Chi nhánh Cần Thơ	2.250.000
Phải thu khác – Công ty Liên doanh Meyer – BPC	397.375.541
Cộng	<u>958.644.861</u>

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	393.921.151	46.342.587
Nguyên liệu, vật liệu	7.799.850.935	6.293.510.709
Chi phí SXKD dở dang	2.101.374.204	2.561.138.322
Thành phẩm	2.173.027.355	1.177.434.488
Hàng hóa	70.244.237.260	53.996.420.202
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>82.712.410.905</u>	<u>64.074.846.308</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.430.325.965)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	<u>80.282.084.940</u>	<u>64.074.846.308</u>

5.4. Các khoản thuế phải thu

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT còn được khấu trừ	599.350.146	845.036.166
Cộng	<u>599.350.146</u>	<u>845.036.166</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	1.500.971.194	1.108.906.639
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (5.5.1)	1.209.684.960	1.532.713.121
Cộng	2.710.656.154	2.641.619.760

(5.5.1) Chi tiết như sau:

	VNĐ
Ký quỹ đền bù giải phóng mặt bằng – Văn phòng Công ty	230.000.000
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu tại TT Y tế dự phòng – Văn phòng Công ty	22.000.000
Ký quỹ tại Cty CP Đấu giá	4.000.000
Ký quỹ mở L/C – Chi nhánh TP.HCM (Tương đương 6.520USD)	104.711.200
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu – Chi nhánh TP.HCM	510.312.817
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu – Chi nhánh Hà Nội	123.210.943
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu – Chi nhánh Cần Thơ	215.450.000
Cộng	1.209.684.960

5.6. Tài sản cố định

5.6.1. Tài sản cố định hữu hình

<i>Khoản mục</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	13.905.082.938	14.553.320.460	2.010.847.341	1.055.955.116	31.525.205.855
Tăng trong năm	10.157.701.184	1.790.439.279	557.128.055	532.194.238	13.037.462.756
Giảm trong năm	600.607.117	-	-	42.648.800	643.255.917
Số dư cuối năm	23.462.177.005	16.343.759.739	2.567.975.396	1.545.500.554	43.919.412.694
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.611.519.791	3.398.858.564	859.305.559	749.958.567	7.619.642.481
Khấu hao trong năm	871.237.715	2.138.546.011	201.728.525	215.241.783	3.426.754.034
Tăng khác	-	160.106.122	-	2.986.091	163.092.213
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	32.642.000	32.642.000
Giảm khác	159.965.397	-	-	3.126.816	163.092.213
Số dư cuối năm	3.322.792.109	5.697.510.697	1.061.034.084	932.417.625	11.013.754.515
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	11.293.563.147	11.154.461.896	1.151.541.782	305.996.549	23.905.563.374
Tại ngày cuối năm	20.139.384.896	10.646.249.042	1.506.941.312	613.082.929	32.905.658.179

- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.705.084.630 đồng;

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6.2. Tài sản cố định vô hình : Quyền sử dụng đất

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	2.548.829.559	-	-	2.548.829.559
Giá trị hao mòn lũy kế	37.153.325	27.763.523	-	64.916.848
Giá trị còn lại	2.511.676.234			2.483.912.711

- Nguyên giá tài sản cố định đã dùng để thế chấp là 2.548.829.559 đồng.

5.6.3. Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	52.826.363	72.387.727	-	125.214.090
Giá trị hao mòn lũy kế	52.826.363	7.037.695	-	59.864.058
Giá trị còn lại	-	-	-	65.350.032

Nguyên giá bất động sản đầu tư ngày 31/12/2007 bao gồm:

	31/12/2007
Căn nhà số 19 đường Đồng Khởi, Phường 2, Thị xã Bến Tre cho Nguyễn Văn Thời thuê theo hợp đồng cho thuê nhà số 78/HĐ-CTCP ngày 20 tháng 09 năm 2004	52.826.363
Căn nhà bảo vệ số 6A3 Quốc lộ 60 Phường Phú Khương, Thị xã Bến Tre cho Chi nhánh Ngân hàng Công Thương tỉnh Bến Tre thuê theo hợp đồng thuê mặt bằng ký ngày 17 tháng 01 năm 2007	72.387.727
Cộng	125.214.090

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí XDCB dở dang (5.7.1)	634.160.515	9.775.942.877
Cộng	634.160.515	9.775.942.877

(5.7.1) Chi tiết như sau:

	31/12/2007
Chi phí mua đất	6.800.000
Chi phí xây dựng kho Hiệu thuốc Trung Tâm	65.935.542
Chi phí sửa chữa văn phòng Đà Nẵng	163.432.378
Giá trị các hạn mục chưa quyết toán của phân xưởng sản xuất thuốc viên NON – BETALACTAM theo tiêu chuẩn GMP - ASEAN	397.992.595
Cộng	634.160.515

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	(5.8.1)	286.910.000	274.700.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn		<u>286.910.000</u>	<u>274.700.000</u>

(5.8.1) Số dư các khoản đầu tư dài hạn bao gồm :

	31/12/2007
Cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Nam	184.500.000
Cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	12.210.000
Trái phiếu chính phủ	70.200.000
Trái phiếu kho bạc	20.000.000
Cộng	<u>286.910.000</u>

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

		Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm		5.824.541.223	7.205.463.160
Tăng trong năm		-	1.656.595.871
Đã kết chuyển vào chi phí trong năm		616.496.368	3.037.517.808
Giảm khác		-	-
Số dư cuối năm	(5.9.1)	<u>5.208.044.855</u>	<u>5.824.541.223</u>

(5.9.1) Chi tiết như sau:

	31/12/2007
Chi phí thuê 4108m ² đất tại lô số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, P.Tân Tạo A, Q.Bình Tân. Thời hạn thuê đất đến ngày 17/06/2047. Mục đích thuê là xây dựng văn phòng làm việc và kho bãi .	3.853.709.927
Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ.	1.354.334.928
Cộng	<u>5.208.044.855</u>

(Xin xem tiếp ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

		Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn NH Công thương tỉnh Bến Tre (5.10.1)		52.741.746.156	38.379.822.402
Vay ngắn hạn NH Đầu tư và Phát triển tỉnh Bến Tre (5.10.2)		11.455.101.772	8.966.156.575
Vay cá nhân (5.10.3)		16.953.580.962	11.482.641.853
Vay Ông Wu Hok Lun Benson theo hợp đồng huy động vốn ngắn hạn		-	2.374.893.690
Nợ dài hạn đến hạn trả của hợp đồng vay dài hạn số 01/2004/HĐ ngày 18/08/2004		1.560.000.000	1.560.000.000
Cộng		82.710.428.890	62.763.514.520

(5.10.1) Theo Hợp đồng tín dụng cho vay theo phương thức hạn mức tín dụng số 07.33.0006/NHCTBT ký ngày 25 tháng 01 năm 2007 và theo Hợp đồng tín dụng bổ sung số 04/07.33.0006/NHCTBT/BS ký ngày 28 tháng 09 năm 2007 với chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng : 63.000.000.000 VND
 Thời hạn vay : từ 25/01/2007 đến 31/12/2007
 Lãi suất cho vay trong hạn : 11,4%/năm. Lãi suất này có thể thay đổi trong thời hạn duy trì hạn mức cho vay tùy thuộc vào quy định của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Công Thương Việt Nam trong từng thời kỳ
 Lãi suất nợ quá hạn : 50% lãi suất cho vay trong hạn
 Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động để SXKD dược phẩm
 Tài sản thế chấp : Tổng giá trị tài sản bảo đảm có giá trị 12.772.314.027 VND theo hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số 07.01.057/HĐTC, 07.01.0058/HĐTC, 07.01.0060/HĐTC và 07.01.0062/HĐTC ký ngày 25/01/2007.

(5.10.2) Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2007/HĐ ký ngày 15 tháng 01 năm 2007 với chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng : 16.000.000.000 VND
 Thời hạn vay : Đến hết ngày 31/01/2008
 Lãi suất cho vay trong hạn : Theo chế độ lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ
 Lãi suất nợ quá hạn : 150% lãi suất trong hạn
 Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động
 Tài sản thế chấp : Toàn bộ tài sản của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất, quyền thuê đất và tài sản, công trình xây dựng trên đất, văn phòng, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển ... Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Toàn bộ vật tư, hàng hóa tồn kho đang luân chuyển phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa công ty và các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(5.10.3) Vay của cán bộ công nhân viên trong Công ty. Thời hạn vay là một năm kể từ khi nhận khoản tiền vay với mức lãi suất cho vay là 0,95% / tháng.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

		Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán		21.328.862.221	44.881.348.252
Người mua trả tiền trước	(5.11.1)	<u>3.466.916.396</u>	<u>1.546.995.665</u>
Cộng		<u>24.795.778.617</u>	<u>46.428.343.917</u>

(5.11.1) Bao gồm:

	31/12/2007
Người mua trả tiền trước	3.394.189.123
Doanh thu chưa thực hiện của hợp đồng cho thuê căn nhà bảo vệ số 6A3 Quốc lộ 60 Phường Phú Khương, Thị xã Bến Tre	72.727.273
Cộng	<u>3.466.916.396</u>

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT	238.782.045	56.813.531
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	14.500.800	178.666.417
Thuế xuất, nhập khẩu	3.475.261	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>218.174.229</u>	<u>36.280.637</u>
Cộng	<u>474.932.335</u>	<u>271.760.585</u>

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	265.812.492	134.353.656
Bảo hiểm xã hội	58.678.969	113.792.432
Phải trả tiền bán tài sản giữ hộ Nhà nước	4.025.714	4.025.714
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>552.185.668</u>	<u>425.633.273</u>
Cộng	<u>880.702.843</u>	<u>677.805.075</u>

(Xin xem tiếp ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(5.13.1) Trong đó các khoản phải trả khác tại Văn phòng Công ty và các Chi nhánh của Công ty như sau:

	31/12/2007
Chi đền bù, giải tỏa thừa đã tính vào giá trị liên doanh – Văn phòng Công ty	233.000.000
Chi đền bù hàng rào – Văn phòng Công ty	41.481.594
Chi tiền bảo hành trồng cây kiểng – Văn phòng Công ty	372.500
Các khoản phải trả khác - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	104.535.350
Các khoản phải trả khác - Chi nhánh Đà Nẵng	93.023.820
Các khoản phải trả khác - Chi nhánh Cần Thơ	18.765.872
Các khoản phải trả khác – Công ty Liên doanh Meyer – BPC	61.006.532
Cộng	<u>552.185.668</u>

5.14. Phải trả dài hạn khác

		Cuối năm	Đầu năm
Phải trả dài hạn khác	(5.14.1)	<u>3.278.519.948</u>	<u>10.171.866.626</u>
Cộng		<u>3.278.519.948</u>	<u>10.171.866.626</u>

(5.14.1) Bao gồm:

	31/12/2007
Phải trả tiền lãi mượn vốn Nhà nước	3.273.519.948
Nhận ký quỹ gói thầu xây dựng Hiệu thuốc Chợ Lách	5.000.000
Cộng	<u>3.278.519.948</u>

5.15. Các khoản vay và nợ dài hạn

		Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng Công Thương Bến Tre	(5.15.1)	4.348.724.058	4.992.474.058
Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bến Tre	(5.15.2)	1.099.000.000	2.659.000.000
Hợp đồng huy động vốn mua thiết bị số 01/HĐV – LD và 02/HĐV – LD ngày 15/03/2007	(5.15.3)	912.340.073	-
Vay Sở Y tế Tỉnh Bến Tre		<u>43.325.176</u>	<u>43.325.176</u>
Cộng		<u>6.403.389.307</u>	<u>7.694.799.234</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(5.15.1) Bao gồm:

	31/12/2007
Hợp đồng 03.03.0009/HĐTD ngày 27/8/2004	(a) 2.769.974.058
Hợp đồng 06.03.0010/HĐTD ngày 04/04/2006	(b) 860.000.000
Hợp đồng 06.03.0017/HĐTD ngày 27/04/2006	(c) 718.750.000
Cộng	<u>4.348.724.058</u>
 (a) Chi tiết Hợp đồng vay số 03.03.0009/HĐTD ký ngày 27 tháng 08 năm 2004	
Số tiền vay	: 4.400.000.000 VND
Thời hạn vay	: 113 tháng kể từ ngày nhận nợ lần đầu
Lãi suất cho vay	: Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 2 năm của NH Công thương + 2,1%/năm
Lãi suất nợ quá hạn	: 150% lãi suất cho vay trong hạn
Mục đích vay	: Thuê đất khu công nghiệp Tân Tạo, xây dựng nhà chứa thuốc đạt tiêu chuẩn GSP
Tài sản thế chấp	: tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị 5.282.498.212 VNĐ theo biên bản định giá số 624A/04 ngày 27 tháng 8 năm 2004 và hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản số 04030564/HĐTCCC ngày 27 tháng 8 năm 2004.
 (b) Chi tiết Hợp đồng vay số 06.03.0010/HĐTD ký ngày 04 tháng 04 năm 2006	
Số tiền vay	: 1.100.000.000 VND
Thời hạn vay	: 84 tháng kể từ ngày nhận nợ lần đầu
Lãi suất cho vay	: 1,08%/tháng
Lãi suất nợ quá hạn	: 150% lãi suất cho vay trong hạn
Mục đích vay	: Xây dựng kho bảo quản dược phẩm Bến Tre
Tài sản thế chấp	: Giá trị nhà kho bảo quản dược phẩm tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre có giá trị 2.635.000.000 VNĐ theo biên bản định giá số 114A-2006 ngày 04/04/2006 và hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản hình thành từ vốn vay số 06.03.0110 ngày 04/04/2006.
 (c) Chi tiết Hợp đồng vay số 06.03.0017/HĐTD ký ngày 27 tháng 04 năm 2006	
Số tiền vay	: 875.000.000 VND
Thời hạn vay	: 84 tháng kể từ ngày nhận nợ lần đầu
Lãi suất cho vay	: 1,15% / tháng
Lãi suất nợ quá hạn	: 1,725% / tháng
Mục đích vay	: Xây dựng kho bảo quản dược phẩm tại Khu công nghiệp Tân Tạo – TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(5.15.2) Theo Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2004/HĐ ngày 18 tháng 08 năm 2004 và phụ lục hợp đồng số 01/2006/PL ngày 31 tháng 05 năm 2006 với chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng : 6.499.000.000 VNĐ
 Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên
 Lãi suất cho vay trong hạn : Lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm vay cộng phí ngân hàng
 Lãi suất nợ quá hạn : 150% lãi suất trong hạn
 Mục đích vay : Mua máy móc thiết bị để sản xuất thuốc chữa bệnh
 Tài sản thế chấp : Toàn bộ nhà xưởng, nhà kho, máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất và các loại tài sản khác của Công ty có giá trị 20.320.981.959 VNĐ theo hợp đồng bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2004/HĐ ngày 18/08/2004 và phụ lục hợp đồng số 01/2005/PL ngày 17/11/2005.

(5.15.3) Bao gồm vay của Bà Nguyễn Thúy Duyên theo hợp đồng vay số 01/HĐV – LD ngày 15/03/2007 số tiền là 536.592.080 đồng và Bà Đặng Thị Ngọc Lâm theo hợp đồng 02/HĐV – LD ngày 15/03/2007 với tổng số tiền là 375.747.993 đồng. Mục đích vay là để mua thiết bị phục vụ sản xuất. Thời hạn vay là 5 năm kể 01/05/2007 đến ngày 31/05/2012. Tài sản đảm bảo nợ vay chính là thiết bị được mua từ nguồn vốn vay nêu trên.

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Cộng</i>
Số dư đầu năm trước	17.549.317.646	-	2.450.682.354	2.593.684.744	22.593.684.744
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	5.906.104.899	5.906.104.899
Tăng khác năm trước	-	-	-	-	-
Chi cổ tức	-	-	-	(3.400.000.000)	(3.400.000.000)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại năm trước	-	-	-	5.974.976	5.974.976
Giảm vốn năm trước	-	-	-	(146.320.737)	(146.320.737)
Số dư đầu năm nay	17.549.317.646	-	2.450.682.354	4.959.443.882	24.959.443.882
Tăng vốn năm nay	12.450.682.354	26.493.488.000	-	-	38.944.170.354
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	-	-	-	9.268.065.572	9.268.065.572
Tăng khác do hợp nhất quyền lợi từ Công ty con	-	-	-	5.160.000	5.160.000
Giảm vốn năm nay	-	-	(2.450.682.354)	-	(2.450.682.354)
Giảm khác năm nay	-	-	-	(3.112.478.713)	(3.112.478.713)
Giảm khác do hợp nhất quyền lợi từ Công ty con	-	-	-	(82.620.280)	(82.620.280)
Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	26.493.488.000	-	11.037.570.461	67.531.058.461

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÈN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Năm 2007
Cổ phần Nhà Nước	34,00 %	10.200.000.000
Cổ phần công nhân viên Công ty	24,12 %	7.235.990.000
Cổ phần bán cho các đối tượng ngoài doanh nghiệp	41,88 %	12.564.010.000
Tổng cộng	100,00 %	30.000.000.000

5.16.3. Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận

	31/12/2007
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày 31/12/2006	4.959.443.882
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2007	9.268.065.572
Tổng lợi nhuận chưa phân phối	14.227.509.454
Cổ tức 6 tháng cuối năm 2006 và 6 tháng đầu năm 2007	(3.000.000.000)
Chi lương thanh tra, chi nộp phạt vi phạm hành chính ...	(112.478.713)
Tặng khác do hợp nhất quyền lợi từ Công ty con	5.160.000
Giảm khác do hợp nhất quyền lợi từ Công ty con	(82.620.280)
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày 31/12/2007	11.037.570.461

5.16.4. Cổ tức

Theo Biên bản đại hội cổ đông thường niên năm 2006 vào ngày 28 tháng 03 năm 2007 đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2006 trong đó phân chia cổ tức năm 2006 là 15%/vốn điều lệ và dự tính phân chia cổ tức năm 2007 ít nhất là 15%/vốn điều lệ, tương đương 3.000.000.000 đồng.

Lợi tức trên mỗi cổ phiếu năm 2006 là: 29.531 đồng / cổ phiếu.

Lợi tức trên mỗi cổ phiếu năm 2007 là: 44.487 đồng / cổ phiếu.

5.16.5. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	300.000	200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000	200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	300.000	200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000	200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	300.000	200.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000 đồng / cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	307.799.545.431	263.892.303.850
Hàng bán bị trả lại	1.646.146.717	1.275.767.806
Doanh thu thuần	306.153.398.714	262.616.536.044

6.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	130.010.666	82.127.696
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.953.100	27.085.650
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	443.301.043	31.372.870
Chiết khấu thanh toán được hưởng	197.197.702	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	78.416	8.644.546
Cộng	795.540.927	149.230.762

6.3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	247.237.778.309	226.510.536.125
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.430.325.965	-
Cộng	249.668.104.274	226.510.536.125

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.475.219.031	7.621.961.600
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	172.861.958	900.874.110
Cộng	11.648.080.989	8.522.835.710

6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo công văn số 592/CT/TH-DT ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Tổng cục thuế - Cục thuế Tỉnh Bến Tre, Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được hưởng các ưu đãi thuế do chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần cụ thể là được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo. Thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tính từ năm 2005 cho đến hết thời gian miễn giảm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Theo Giấy phép đầu tư số 2215/GP ngày 20/08/2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty Liên doanh Meyer - BPC được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% trong bốn năm tiếp theo. Thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tính từ năm 2005 cho đến hết thời gian miễn giảm.

7. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

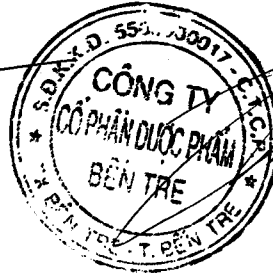
Không có sự kiện nào quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 21 tháng 01 năm 2008.

Ngày 21 tháng 01 năm 2008

Kế toán trưởng

Giám đốc



LÊ PHƯỚC LỄ

ĐINH VĂN BÍCH